TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1- B** TỈNH B	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM** **Độc lập - Tự do - H phúc**

Bản án số: **94**/2026/HSST
Ngày: 13 - 5 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - B, TỈNH B

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đào Thị Thúy Thành

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Phương

2. Ông Quàng Văn An

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1- B, tỉnh B.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – B, tỉnh B tham gia phiên toà***: Ông Phạm Văn Năng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1 - B, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 71/2026/TLST-HS ngày 03 tháng 3 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2026/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2026, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị C**; Tên gọi khác: Không có tên gọi khác.

Sinh ngày: 26/4/1950, tại tỉnh B (nay là tỉnh H).

Căn cước công dân số: 034150005768; Cấp ngày: 18/11/2022; Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý Hnh chính về trật tự xã hội - Bộ công an;

Nơi cư trú: Tổ dân phố 14, phường M (Nay là phường Đ), tỉnh B.

Nghề ngH: Kinh doanh; Trình độ văn hoá: 07/10 phổ thông; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: V Nam; Con ông: Nguyễn Văn T (Đã chết) và bà: Vũ Thị C (Đã chết); Chồng: Hoàng Văn Đ; Con: Bị cáo có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 1975, con nhỏ nhất sinh năm 1983. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Chưa bị Toà án nhân dân nào xét xử, chưa bị cơ quan có thẩm quyền nào xử lý Hnh chính. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 31/5/2025 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị Hoàng Thị Thu H; Địa chỉ: Tổ 02, phường Đ, tỉnh B (Vắng mặt).

+ Anh Hoàng Văn V; Địa chỉ: Tổ 14, phường Đ, tỉnh B (Vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Thị T; Địa chỉ: Số 225, đường Đ, tổ 3, phường B, tỉnh H (Vắng mặt).

+ Bà Đặng Mai A; Tổ 3, phường Đ, tỉnh B (Vắng mặt).

+ Chị Hồ Thị T; Thôn P, xã S, T phố N (Vắng mặt).

+ Chị Cồ Thị H; Địa chỉ: Phố T, phường H, tỉnh N (Vắng mặt).

+ Chị Đậu Thị Thanh T; Địa chỉ: 107, lô A5, chung cư An Sương, KP58, phường Đ, thành phố H (Vắng mặt).

+ Anh Nguyễn Trung K; Địa chỉ: Số 35, ngõ 62, N, phường L, thành phố N (Vắng mặt).

+ Anh Phạm Minh H; Địa chỉ: Tổ dân phố N, phường T, tỉnh B (Vắng mặt).

+ Anh Đinh Viết C; Địa chỉ: Tổ 11, phường Đ, tỉnh B (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Thị C, thuê Ki ốt 173 thuộc Chợ trung tâm 1, tổ dân phố 3, phường Tân Thanh (Nay là phường Đ), tỉnh B của ông Nguyễn Đức T để mở cửa hàng kinh doanh, buôn bán lấy tên là Việt Mận. C nhờ Hoàng Văn V là con trai đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 62A8: 0018989/HKD đăng ký lần đầu ngày 25/5/2022 được Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND T phố Đ cấp, các mặt Hng kinh doanh gồm: Công nghệ phẩm, thực phẩm công nghệ, bánh kẹo, nước giải khát, hóa mỹ phẩm, bán lẻ bia rượu, thuốc lá, hoa quả, sữa các loại và theo Giấy phép kinh doanh số 324/KT ngày 21/11/2024 của Phòng Kinh tế - UBND T phố Đ được bán lẻ các loại thuốc lá Vinataba và các loại thuốc Thăng Long. Quá trình kinh doanh thấy nhiều khách Hng có nhu cầu sử dụng thuốc lá điếu (thuốc lá nhập ngoại) C đã lên mạng xã hội Facebook tìm các nguồn mua thuốc lá điếu nhập lậu rồi dùng tài khoản Zalo liên lạc đặt mua của Nguyễn Thị T; của 01 người phụ nữ không rõ thông tin lai lịch ở tỉnh N; một người đàn ông không quen biết trực tiếp mang đến bán cho C tại cửa Hng, để C bán kiếm lời, cụ thể:

Khoảng từ năm 2023 đến ngày 18/5/2025 Nguyễn Thị C sử dụng tài khoản Zalo "Nguyễn C" liên lạc với tài khoản Zalo của T có tên là "Nguyennga" mua tổng cộng 550 bao thuốc lá điếu nhập lậu: gồm 230 bao thuốc lá nhãn hiệu ZUOK; 100 bao nhãn hiệu CHAPMAN No.4; 30 bao thuốc lá điếu nhãn hiệu Zhenlong; 100 bao thuốc lá điếu nhãn hiệu Zest Marula; 40 bao thuốc lá điếu nhãn hiệu 555; 10 bao thuốc lá điếu nhãn hiệu Chungwa; 10 bao thuốc lá điếu nhãn hiệu Oris Pusple và 30 bao Raison đều là thuốc lá điếu nhập lậu với giá 14.500.000 đồng. Ngoài ra còn nhiều loại Hng hóa khác, vì tuổi cao, thỉnh thoảng ốm đau nên C thường nhờ Hoàng Thị Thu H (là con gái ruột của C) hỗ trợ trông coi và bán hàng hóa thông thường theo đăng ký kinh doanh giúp. Mặt khác, do không thông thạo

công nghệ nên khi giao dịch chuyển, nhận tiền qua tài khoản Ngân hàng khi mua, bán hàng hóa C nhờ H thực hiện hộ. Ngày 13/3/2025, H có nhận hộ C 01 thùng hàng khách gửi đến, khi H mở ra thì thấy bên trong chứa 220 bao thuốc lá điếu nhập lậu (trong tổng số 550 bao C mua của T) gồm: 30 bao thuốc lá điếu nhãn hiệu Zhenlong; 100 bao thuốc lá điếu nhãn hiệu Zest Marula; 30 bao thuốc lá điếu nhãn hiệu ZUOK; 40 bao thuốc lá điếu nhãn hiệu 555; 10 bao thuốc lá điếu nhãn hiệu Chungwa; 10 bao thuốc lá điếu nhãn hiệu Oris Pusple và một số loại bánh kẹo khác. Thấy các loại thuốc lá điếu trong thùng hàng đều có nhãn hiệu, ghi nơi sản xuất bằng chữ nước ngoài, không có tem nhãn phụ tiếng V và tem nhập khẩu, H biết đó là thuốc lá điếu nhập lậu nên đã quay lại video gửi cho C, C bảo H cứ chuyển cho T 7.500.000 đồng, có gì C trao đổi với T sau, H không biết số thuốc lá nhập lậu trên C đã xử lý như thế nào. Qúa trình buôn bán C đã bán cho nhiều khách hàng không quen biết 370 bao các loại thuốc lá điếu nhập lậu trên, thu lợi bất chính 11.720.000 đồng. Còn 180 bao thuốc lá điếu nhập lậu C cất giấu tại cửa Hng.

Bằng thủ đoạn như trên, ngày 20/5/2025, C liên lạc với tài khoản Zalo "Thu Giang" (không hiển thị số điện thoại đăng ký tài khoản) mua của người phụ nữ không quen biết ở tỉnh N được 300 bao thuốc lá điếu nhập lậu gồm: 200 bao thuốc lá nhãn hiệu ZEST và 100 bao thuốc lá nhãn hiệu Hero với giá 22.740.000 đồng vận chuyển qua xe khách (không nhớ BKS xe và thông tin nH xe) nhưng C chưa thanh toán tiền Hng, chưa tiêu thụ được và cất giấu tại cửa Hng.

Ngoài ra khoảng giữa tháng 5/2025 C gặp 01 người đàn ông không quen biết đến cHo bán thuốc lá điếu nhập lậu với giá 100.000 đồng/cây và hẹn khi nào có thuốc thì sẽ mang đến cửa hàng giao cho C, thấy rẻ nên C đồng ý và đã mua tổng cộng 1.530 bao thuốc lá điếu nhập lậu của người đàn ông trên cụ thể: Ngày 19/5/2025 đã mua 230 bao thuốc lá điếu nhãn hiệu BLEND NO.555; 230 bao thuốc lá điếu nhãn hiệu ESSE với giá 4.600.000 đồng. Sáng ngày 20/5/2025 đã mua 90 bao thuốc lá điếu nhãn hiệu CHAPMAN; 440 bao thuốc lá điếu nhãn hiệu RAISON; 70 bao thuốc lá điếu nhãn hiệu Captain Black với giá 6.000.000 đồng. Tối ngày 20/5/2025 bị cáo C đã mua 120 bao thuốc lá điếu nhãn hiệu ZEST MARULA; 80 bao thuốc lá điếu nhãn hiệu RICHMOND; 160 bao thuốc lá điếu nhãn hiệu Canyon Vanilla, 90 bao thuốc lá điếu nhãn hiệu ZUOK và 20 bao thuốc lá điếu nhãn hiệu NANJING, để bán, với giá 4.700.000 đồng, mỗi lần nhận hàng C đều kiểm tra thấy là thuốc lá điếu nhập lậu nên đã thanh toán bằng tiền mặt cho người đàn ông đó, toàn bộ số thuốc lá trên C cất giấu tại cửa hàng chưa tiêu thụ.

Hồi 14 giờ 15 phút, ngày 21/5/2025, tổ công tác Công an tỉnh B phát hiện tại Ki ốt 173 (có địa chỉ như trên) có biểu hiện nghi vấn vi phạm pháp luật, tổ công tác đã tiến hành kiểm tra. Sau khi được tổ công tác vận động, giải thích, C khai nhận đang có hành vi tàng trữ, kinh doanh thuốc lá điếu nhập lậu trái phép tại cửa hàng, đồng thời C tự nguyện lấy từ gian chứa hàng hóa bên trong cửa hàng ra giao nộp cho tổ công tác 2.010 bao thuốc lá điếu do nước ngoài sản xuất, không có tem nhãn phụ tiếng V, không có tem thuốc lá điếu nhập khẩu theo quy định của Bộ Tài chính kèm theo (có nguồn gốc như trên), gồm: 190 bao thuốc lá điếu nhãn hiệu ZOUK; 230 bao thuốc lá điếu nhãn hiệu 555; 160 bao thuốc lá điếu

nhãn hiệu CHAPMAN; 200 bao thuốc lá điếu nhãn hiệu ZEST; 160 bao thuốc lá điếu nhãn hiệu CANYON; 70 bao thuốc lá nhãn hiệu Captain Black; 100 bao thuốc lá điếu nhãn hiệu HERO; 230 bao thuốc lá điếu nhãn hiệu ESSE; 80 bao thuốc lá điếu nhãn hiệu RICHMOND; 10 bao thuốc lá điếu nhãn hiệu CHUNGHWA; 20 bao thuốc lá điếu nhãn hiệu NANJING; 440 bao thuốc lá điếu nhãn hiệu RAISON; 120 bao thuốc lá điếu nhãn hiệu ZEST MARULA. Tổ công tác lập biên bản ghi nhận nội dung vụ việc để điều tra theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra còn xác định: Trong thời gian buôn bán hàng hóa Nguyễn Thị C còn thông qua mạng xã hội Zalo để liên hệ, giao dịch mua thuốc lá với nhiều người gồm: Hồ Thị T; Đặng Mai Anh và các tài khoản Zalo có tên "Dạu Thanh T" "Linh Đoàn Hẻm" để về bán kiếm lời nhưng Cơ quan điều tra không thu giữ được thuốc lá mà C đã mua của những người trên nên không có mẫu vật để tiến hành trưng cầu giám định làm rõ.

Tại Kết luận giám định số: 4170/KL-KTHS của Viện khoa học hình sự, Bộ Công an kết luận: 2.010 bao thuốc lá điếu thu giữ của Nguyễn Thị C đều là thuốc lá điếu không đủ điều kiện để nhập khẩu lưu thông trên thị trường Việt Nam và không được Việt Nam sản xuất để tiêu thụ tại Việt Nam.

Tại bản cáo trạng số: 68/CT-VKSKV1 ngày 02/3/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- B đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị C về tội: Buôn bán Hng cấm, quy định tại điểm b khoản 1 Điều 190 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- B giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Thị C về tội: Buôn bán hàng cấm. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 190, điểm o, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35/BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, xử phạt bị cáo từ 250.000.000 đồng đến 350.000.000 đồng. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47/BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, điểm a, c khoản 2 Điều 106/BLTTHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025. Tịch thu tiêu hủy: 1.350 bao thuốc lá (Vật chứng còn lại sau giám định), 01 sim điện thoại. Tịch thu sung ngân sách: 01 điện thoại Iphone 8 Plus, màu trắng - hồng. Bị cáo là người cao tuổi, nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị C không có lời bào chữa nào, nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - B.

Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về Hành vi của bị cáo bị truy tố: Trong khoảng thời gian từ tháng 3/2025 đến ngày 21/5/2025 Nguyễn Thị C đã có hành vi mua trái phép 2.380 bao

thuốc lá điếu nhập lậu (không có tem điện tử thuốc lá) không đủ điều kiện để nhập khẩu lưu thông trên thị trường Việt Nam, không do Việt Nam sản xuất được cất giấu tại ki ốt 173, chợ Trung tâm 1 thuộc tổ 3, phường Tân Thanh (Nay là phường Đ), tỉnh B, để bán kiếm lời.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với: Biên bản vụ việc lập hồi 14 giờ 38 phút ngày 21/5/2025, lời khai của bị cáo, của người có liên quan trong quá trình điều tra, vật chứng bị thu giữ, dữ liệu điện tử thu giữ và kết luận giám định số: 4170/KL-KTHS của Viện khoa học hình sự, Bộ Công an.

Do đó có đủ cơ sở khẳng định: Hnh vi mua trái phép 2.380 bao thuốc lá điếu nhập lậu (không có tem điện tử thuốc lá) không đủ điều kiện để nhập khẩu lưu thông trên thị trường Việt Nam, không do Việt Nam sản xuất, để bán kiếm lời của bị cáo Nguyễn Thị C là phạm tội: Buôn bán hàng cấm, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 190/BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Hnh vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, có tính chất nghiêm trọng, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự, xã hội tại địa phương, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự.

Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội khi trên 70 tuổi và được UBND tỉnh B tặng bằng khen vì đã có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm o, s khoản 1, khoản 2 Điều 51/BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52/BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025. Nhân thân: Chưa bị Toà án nhân dân nào xét xử, chưa bị cơ quan có thẩm quyền nào xử lý Hnh chính.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội. Tuy nhiên, bị cáo là người cao tuổi, có nơi cư trú rõ ràng, không có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt. Với tính chất hành vi phạm tội, nhân thân, khả năng tài chính của bị cáo, thì xét thấy chỉ cần áp dụng hình phạt tiền cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo.

[2]. Từ những phân tích trên khẳng định: Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- B truy tố bị cáo Nguyễn Thị C về tội: Buôn bán hàng cấm, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 190/BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, là hoàn toàn đúng người, đúng tội.

Căn cứ vào hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, thì hình phạt Tiền mà đại diện viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, với mức đề nghị về số tiền phạt là chưa phù hợp, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an tỉnh B, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- B, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ

luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 190/BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, thì ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy, bị cáo là người cao tuổi, chỉ có thu nhập từ lương hưu, đến thời điểm giải quyết vụ án không còn làm công việc gì. Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5]. Vật chứng: Đối với: 1.350 bao thuốc lá (Vật chứng hoàn lại sau giám định), là vật chứng nhà nước cấm kinh doanh, sản xuất, tàng trữ, 01 sim điện thoại là vật không còn giá trị, cần tịch thu tiêu hủy. Đối với chiếc điện thoại Iphone 8 Plus, màu trắng - hồng, bị cáo dùng vào việc phạm tội, cần tịch thu sung ngân sách nH nước.

Quá trình buôn bán bị cáo C đã bán 370 bao các loại thuốc lá điếu nhập lậu cho nhiều khách hàng không quen biết, thu lợi bất chính số tiền 11.720.000 đồng, nên cần truy thu số tiền này.

[6]. Các vấn đề khác:

Đối với Hoàng Thị Thu H khi trông coi, bán hàng hóa và giao dịch chuyển, nhận tiền qua tài khoản Ngân hàng giúp bị cáo C gồm các loại hàng hóa thông thường, trong danh mục đăng ký kinh doanh. Chỉ duy nhất ngày 13/3/2025 H nhận hàng và thanh toán 7.500.000 đồng cho T giúp C thì H biết có 220 bao thuốc lá nhập lậu, ngoài ra các hoạt động buôn bán của C thì H không biết và không tham gia gì. Ngày 28/12/2025, Phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh B đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 11 đối với Hoàng Thị Thu H về hành vi tham gia, giúp sức trong quá trình giao dịch, buôn bán 220 bao thuốc lá điếu nhập lậu, hình thức phạt tiền là 6.250.000 đồng.

Đối với Nguyễn Thị T, quá trình điều tra xác định từ năm 2023 đến ngày 18/5/2025 Nguyễn Thị T đã bán cho Nguyễn Thị C tổng cộng 550 bao thuốc lá điếu nhập lậu các loại (trong đó thu giữ tại cửa Hng của Nguyễn Thị C 180 bao vào ngày 21/5/2025). Ngoài ra ngày 16/6/2025, Nguyễn Thị T đã tự nguyện giao nộp thêm 455 bao thuốc lá điếu, xì gà đang cất giấu tại nhà và khai nhận đó là số thuốc lá điếu nhập lậu của T cất giấu với mục đích để buôn bán kiếm lời. Kết quả trưng cầu giám định, xác định 455 bao thuốc lá điếu, xì gà trên là thuốc lá điếu, xì gà nhập lậu. Ngày 28/12/2025, Phòng Cảnh sát kinh tế, Công an tỉnh B đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 09 ngày 28/12/2025 đối với Nguyễn Thị T về các hành vi trên, hình thức phạt tiền, mức phạt 41.250.000 đồng và buộc T nộp lại số tiền 14.500.000 đồng số tiền thu lợi bất hợp pháp có được từ hành vi buôn bán thuốc lá điếu nhập lậu đã bán cho C.

Đối với các giao dịch mua thuốc lá giữa C với các tài khoản Zalo “Thu Giang” “Dạu Thanh T” “Linh Đoàn Hẻm”: Cơ quan điều tra xác định C có các

hoạt động giao dịch đặt mua thuốc lá điếu do nước ngoài sản xuất nhưng quá trình điều tra không phát hiện, thu giữ được các sản phẩm thuốc lá điếu giữa hai bên giao dịch, không có tài liệu chứng cứ chứng minh được họ tên, địa chỉ của người bán, số lượng, nhãn hiệu thuốc trong mỗi giao dịch nên không có cơ sở để xử lý.

Đối với Hồ Thị T và Đặng Mai A: Qúa trình điều tra xác định có hoạt động giao dịch mua, bán thuốc lá với C nhưng C, T và Mai A chỉ thừa nhận bán các loại thuốc lá điếu do Việt Nam sản xuất, cơ quan điều tra không thu giữ được các sản phẩm thuốc lá điếu mua bán nên không có căn cứ để xử lý. Tuy nhiên Hồ Thị T không đăng kí ngành nghề kinh doanh sản phẩm thuốc lá và Đặng Mai A mua thuốc lá điếu của C là không đúng phạm vi, đối tượng, mặt hàng ghi trong giấy phép kinh doanh được cấp nên ngày 28/12/2025, Phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh B đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 08, 10 ngày 28/12/2025 hình thức phạt tiền, mức phạt 11.250.000 đồng đối với Hồ Thị T và 6.250.000 đồng đối với Đặng Mai A về hành vi vi phạm nêu trên.

Đối với Nguyễn Đức T là người cho C thuê Ki ốt không biết C kinh doanh buôn bán gì nên không đề cập xử lý.

Đối với Hoàng Văn V (là con của Nguyễn Thị C) do C không am hiểu, thông thạo thủ tục đăng kí kinh doanh nên C nhờ V đứng tên, thực hiện thủ tục đăng kí kinh doanh, V không tham gia, không biết việc C buôn bán hàng cấm nên không đề cập xử lý. Việc V đứng tên đăng ký kinh doanh nhưng hộ kinh doanh của V đã bán các mặt hàng là thuốc lá không đúng phạm vi, đối tượng, mặt hàng ghi trong giấy phép kinh doanh được cấp nên ngày 28/12/2025, Phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh B đã ra Quyết định xử phạt vi phạm Hnh chính số 16 hình thức phạt tiền, mức 6.250.000 đồng.

Đối với người đàn ông đã bán cho bị cáo Nguyễn Thị C 1.530 bao thuốc lá điếu nhập lậu, C không biết thông tin, lai lịch của người đàn ông, đặc điểm phương tiện mà người đàn ông sử dụng khi vận chuyển thuốc lá điếu nhập lậu đến quán bán cho C, quá trình điều tra, Cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh, làm rõ, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trong quá trình kinh doanh bị cáo Nguyễn Thị C đã tiêu thụ, bán ra thị trường 370 bao thuốc lá điếu nhập lậu, cho các cá nhân có nhu cầu tiêu dùng, đến mua trực tiếp tại cửa Hng của C. Tuy nhiên, C không biết thông tin, lai lịch của các cá nhân đó nên không có cơ sở xác minh, làm rõ, nên không đề cập xử lý.

[7]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bị cáo Nguyễn Thị C là người cao tuổi, nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 190, điểm o, s khoản 1, khoản 2 Điều

51, khoản 1, khoản 3 Điều 35/BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị C phạm tội "Buôn bán hàng cấm".

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị C 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47/BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, khoản 2 Điều 106/BLTTHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Tịch thu tiêu hủy: 1350 bao thuốc lá (Vật chứng hoàn lại sau giám định), 01 sim điện thoại trên thẻ sim có dãy số: 8984048000064363124.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, màu trắng - hồng.

(*Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 04/3/2026 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an tỉnh B và phòng Thi Hnh án dân sự khu vực 1- B, tỉnh B).*

Truy thu đối với bị cáo Nguyễn Thị C số tiền: 11.720.000 đồng (Mười một triệu, bẩy trăm hai mươi nghìn đồng).

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bị cáo Nguyễn Thị C được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333/BLTTHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 12/5/2026). Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người CQLNVLQ;
- VKSND khu vực 1- B;
- VKSND tỉnh ĐB;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh ĐB;
- Phòng CSTHAHS và HTTP Công an tỉnh ĐB;
- Phòng HSNV, Công an tỉnh ĐB;
- Thi Hnh án dân sự tỉnh B;
- TAND tỉnh B;
- HS THA Hình sự;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Thúy Thành

-